

Số: 01/2022/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 30 tháng

6 năm 2022 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên;
- b) Cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên;
- c) Trẻ em, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục;
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

(Đính kèm Phụ lục I)

2. Mức thu:

a) Cơ sở giáo dục chưa tự đảm bảo chi thường xuyên: mức thu theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

(Đính kèm Phụ lục II)

b) Cơ sở giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên: mức thu bằng 2 lần mức thu quy định tại điểm a khoản này.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu vừa đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; công khai, dân chủ, đúng mục đích.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

3. Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm

1. Miễn thu các khoản thu quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: con liệt sĩ; gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cả cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

2. Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; gia đình thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc Hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, GDĐT, LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UB.MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Nội dung
A	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CÓ QUY ĐỊNH MỨC THU CỤ THỂ
I	MẦM NON
1	Hoạt động bán trú tại trường
a	Dịch vụ bán trú
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (trông giữ trẻ mầm non ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật)
II	TIỂU HỌC
1	Hoạt động bán trú tại trường
a	Dịch vụ bán trú
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng
2	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ
1	Dịch vụ bán trú
2	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học
3	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường
4	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày
IV	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
1	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học



2	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường
3	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày
B	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO KHÔNG QUY ĐỊNH MỨC THU CỤ THỂ
I	Tiền ăn (ăn sáng, ăn trưa); Dịch vụ đồ dùng cho học sinh bán trú; Dịch vụ đồ dùng học tập; Dịch vụ đồng phục; Dịch vụ nội trú học sinh trường trung học phổ thông chuyên: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh phù hợp với thực tế địa phương.
II	Dịch vụ mua, lắp đặt, sử dụng điện của máy điều hòa: theo thực tế sử dụng và chi phí mua, lắp đặt máy điều hòa, đồng hồ điện.
III	Dịch vụ làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo; Dịch vụ tổ chức dạy học tự chọn môn Tiếng Anh, môn Tin học lớp 1, lớp 2 trong chương trình GDPT 2018; Dịch vụ liên kết tổ chức giảng dạy Chương trình tăng cường Tiếng Anh; Dịch vụ hoạt động năng khiếu, hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hoá, lịch sử, truyền thống; Dịch vụ hoạt động trải nghiệm; Dịch vụ hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; Dịch vụ đưa đón học sinh từ nơi ở đến cơ sở giáo dục và ngược lại: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh theo hợp đồng hợp tác đào tạo, bồi dưỡng với các tổ chức, cá nhân.

Phụ lục II
MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC,
ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	MẦM NON		
1	Hoạt động bán trú tại trường		
a	Dịch vụ bán trú (chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ trẻ giờ trưa)		
	Chi trả lương nhân viên nấu ăn		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	115.000
	- Vùng III		100.000
	- Vùng IV		90.000
	Chi hỗ trợ giáo viên trực trưa, nhân viên phục vụ bán trú	Đồng/tháng /học sinh	48.000
	Chi hỗ trợ viên chức quản lý trực trưa, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú	Đồng/tháng /học sinh	10.000
	Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)	Đồng/tháng /học sinh	95.000
	Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống	Đồng/tháng /học sinh	36.000
	Tổng cộng:		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	304.000
- Vùng III	289.000		
- Vùng IV	279.000		
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng	Đồng/bữa sáng/học sinh	4.000
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (trông giữ trẻ mầm non ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật)	Đồng/ngày /học sinh	43.000
II	TIỂU HỌC		



1	Hoạt động bán trú tại trường		
a	Dịch vụ bán trú (chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ học sinh giờ trưa)		
	Chi trả lương nhân viên nấu ăn		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	148.000
	- Vùng III		130.000
	- Vùng IV		116.000
	Chi hỗ trợ giáo viên trực trưa, nhân viên phục vụ bán trú	Đồng/tháng /học sinh	47.000
	Chi hỗ trợ viên chức quản lý trực trưa phục vụ bán trú	Đồng/tháng /học sinh	4.000
	Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)	Đồng/tháng /học sinh	12.000
	Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống	Đồng/tháng /học sinh	5.000
	Tổng cộng:		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	216.000
	- Vùng III		198.000
	- Vùng IV		184.000
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng	Đồng/bữa sáng/học sinh	1.500
2	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	8.000
	- Vùng III		7.000
	- Vùng IV		6.000
III TRUNG HỌC CƠ SỞ			
1	Hoạt động bán trú tại trường		
	Dịch vụ bán trú (chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ học sinh giờ trưa)		
	Chi trả lương nhân viên nấu ăn		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	115.000
	- Vùng III		100.000
	- Vùng IV		90.000



	Chi hỗ trợ giáo viên trực trưa, nhân viên phục vụ bán trú	Đồng/tháng /học sinh	56.000
	Chi hỗ trợ Viên chức quản lý trực trưa đối với trường có tổ chức bán trú	Đồng/tháng /học sinh	3.000
	Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)	Đồng/tháng /học sinh	9.000
	Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống	Đồng/tháng /học sinh	5.000
	Tổng cộng		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	188.000
	- Vùng III		173.000
	- Vùng IV		163.000
2	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	6.000
	- Vùng III		5.000
	- Vùng IV		5.000
3	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường	Đồng/tiết /học sinh	2.500
4	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày	Thu theo số tiền tính cho số tiết dạy thêm giờ của giáo viên giảng dạy, bình quân cho 01 học sinh	
IV	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
1	Dịch vụ hỗ trợ công tác vệ sinh lớp học		
	- Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	6.000
	- Vùng III		5.000
	- Vùng IV		5.000
2	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường	Đồng/tiết /học sinh	3.500
3	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày	Thu theo số tiền tính cho số tiết dạy thêm giờ của giáo viên giảng dạy bình quân cho 01 học sinh	



Ghi chú: việc phân loại vùng căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động./.